ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /2024/QĐ-UBND	*Long An, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 112/TTr-SLĐTBXH ngày 08/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An *(chi tiết theo Quy định đính kèm)*.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/02/2024** và thay thế Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 30/5/2023 của HĐND tỉnh về quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ LĐ - TB và XH;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng VHXH+HCQT+THKSTTHC;
- Lưu: VT, Cam.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Út

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Long An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thực hiện theo Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND).

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

Điều 2. Nguồn vốn thực hiện

Thực hiện theo Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

Điều 3. Mức hỗ trợ

Thực hiện theo Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

Điều 4. Hỗ trợ đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Thực hiện theo Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND và các nội dung sau:

1. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Chi đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm đối với hỗ trợ sản xuất cộng đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho người tham gia dự án: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An (Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND) và Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND.

Đối với khoản chi hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học tập trung tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú: Thực hiện theo quy định tại đoạn thứ 2 điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu trong một số trường hợp đặc thù thực hiện như sau:

Chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp đào tạo bồi dưỡng, tập huấn có thời gian dưới 05 ngày: Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất của điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số

29/2023/NQ-HĐND.

Chi số hoá tài liệu trong trường hợp đào tạo, bồi dưỡng từ xa: Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 1 Quyết định số 68/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 27/10/2022 của HĐND tỉnh về quy định mức chi cho hoạt động tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Chi chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý, chất lượng đồng bộ theo chuỗi; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

c) Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định về nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Long An.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

e) Xây dựng, quản lý dự án

Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể thực hiện theo theo quy định sau:

Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án: Thực hiện theo quy định tại đoạn thứ nhất điểm e khoản 1 Điều 5 quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 70/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Long An;

Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Mục IV Điều 1 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

Chi khác về quản lý dự án (nếu có): Thực hiện theo quy định tại đoạn cuối điểm e khoản 1 Điều 5 quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

2. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định này và điểm đ khoản 1 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

d) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả:

Chế độ công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Mục III Điều 1 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

Hỗ trợ cho cán bộ: Thực hiện theo quy định tại đoạn thứ hai điểm đ khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND.

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao:

Chi công tác phí cho cán bộ, thuê xe, tiền ăn, tiền thuê phòng ngủ (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Mục III Điều 1 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

Chi tiền công cho báo cáo viên: Thực hiện theo quy định của Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An (Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND) và Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND.

g) Xây dựng, quản lý dự án

Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

d) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

đ) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

e) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

g) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Thực hiện theo điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

h) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao: Thực hiện theo điểm e khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

i) Xây dựng, quản lý dự án

Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Thực hiện theo Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND và các nội dung sau:

1. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

b) Hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT): Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT: Thực hiện theo quy

định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định này và Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

d) Xây dựng, quản lý dự án

Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

2. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 4 Quyết định này.

b) Hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

c) Hỗ trợ theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định này và Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Long An về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An.

d) Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

đ) Xây dựng, quản lý dự án

Mức hỗ trợ không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và mức chi cụ thể theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Quyết định này và các vướng mắc, phát sinh trên lĩnh vực được giao báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Thực hiện chế độ báo cáo trên lĩnh vực được giao theo quy định hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này. Theo dõi, báo cáo kết quả hỗ trợ phát triển

sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ nguồn Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, cân đối nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định hiện hành. Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn huyện.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện hỗ trợ UBND các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã theo dõi, đánh giá, tổng hợp báo cáo theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND cấp huyện về kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã, đang triển khai các thủ tục để hỗ trợ trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định của giai đoạn trước. Đối với các dự án triển khai các thủ tục hỗ trợ sau khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì mức hỗ trợ được áp dụng theo Quy định này.

2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.